

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2020/HS-ST

Ngày 30 – 9 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi.
2. Ông Nguyễn Hoàng Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Châu Long – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 193/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 790/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Trịnh Công L, sinh năm: 1976, tại Cà Mau; nơi cư trú: Khóm S, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn X (chết) và bà: Lê Thị N; vợ: Võ Tuyết M; con: 02 người.

Tiền án, tiền sự: Không

Bắt tạm giữ ngày 19/6/2020 đến ngày 25/6/2020 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Anh Lâm Văn B, sinh năm: 1978 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BH, xã QP, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp BĐ, xã LVL, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2019, anh Lâm Văn B, sinh năm 1978 có nợ Trịnh Công L số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 19/6/2020, B gọi điện cho L nói sẽ trả cho L trước số tiền 1.000.000 đồng. Do B thiếu tiền đã lâu nhưng không trả nên

đến 16 giờ cùng ngày B hẹn L trả tiền tại docks cầu Cái Nhúc thuộc khóm 1, phường T, thành phố C. Sau khi hẹn địa điểm trả tiền xong thì L mang theo một sợi dây xích dài khoảng 94 cm bằng kim loại màu trắng và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 69C1-011.90 đi đến docks cầu Cái Nhúc để gặp B.

Khi gặp B ở cầu Cái Nhúc, lúc đó B có điều khiển xe mô tô hiệu Fugiar biển kiểm soát 69F3-0268 đến để trả cho L 1.000.000 đồng nhưng L không đồng ý lấy mà nói “Tao đập chết mẹ mày” vừa nói xong L cầm sợi dây xích đã mang theo đánh B 01 cái nhưng không trúng. Sau đó, L tiếp tục dùng dây xích cầm trên tay siết cổ B thật chặt và nói “Mày trốn tao mấy tháng nay, giờ trả nhiều đó, còn lại biết khi nào mày trả, giờ tao lấy xe của mày” B bị L dùng xích siết cổ B đưa hai tay lên để nắm giữ dây xích cho đừng ngạt thở và xin L tha cho B. Còn L thì nói “mày đưa chìa khóa xe cho tao” nhưng B không đồng ý và năn nỉ để xe cho B đi làm nhưng L vẫn tiếp tục siết cổ đe dọa để lấy xe.

Khi này, L thấy chìa khóa xe đang gắn trên xe của B nên L buông dây xích ra rồi đi đến lấy chìa khóa xe của B cất vào túi áo của L, B tiếp tục năn nỉ L thì L hăm dọa “Mày còn nói nữa tao cho người đánh mày”. Nghe L nói cho người đánh nên B không dám năn nỉ L nữa. Lúc này L điện thoại cho Trịnh Kim T là con ruột của L đến để chạy xe của B về. Khi L gọi điện thoại cho T xong thì T kêu Trịnh Công V là anh ruột của T điều khiển xe chở T qua docks cầu Cái Nhúc thuộc khóm 1, phường T, thành phố C để đến chỗ L lấy xe. Khi đến nơi L kêu T chạy xe của B về nhưng T đề xe không nổ máy nên L kêu T chạy xe của L về trước. Sau đó L chạy xe của B về. Sau khi sự việc xảy ra B đến Công an phường T trình báo sự việc. Đến 16 giờ 30 phút ngày 19/6/2020, lực lượng công an phường T tiến hành mời L làm việc và thu giữ 01 xe mô tô hiệu Fugiar biển kiểm soát 69F3-0268. Ngoài ra Công an còn tạm giữ của Trịnh Công L một sợi dây xích dài 94cm bằng kim loại màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4 màu xám.

Tại bản kết luận giám định số:55/GĐH-PC09 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự kết luận:

Tại thời điểm tháng 6/2020: 01 xe mô tô nhãn hiệu Fugiar, biển số 69F3 – 0268, đã qua sử dụng giá trị còn lại 87,5%: $5.000.000 \text{ đồng} \times 87,5\% = 4.375.000 \text{ đồng}$.

Đối với xe mô tô 69F3 – 0268 qua điều tra xác minh xe này của anh Lê Quốc K, sinh năm 1979, ngụ khóm T, phường B, thành phố C đứng tên chủ sở hữu. Đến năm 2018, anh K bán lại cho anh Cao Ngọc D, sinh năm 1969, ngụ khóm 2, phường T, thành phố C. Sau đó, anh D bán lại cho anh Lâm Văn B. Ngày 24/6/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Cà Mau đã trả xe lại cho anh B. Ngày 28/9/2020 anh Lâm Văn B có nộp đơn yêu cầu cho Tòa án yêu cầu bị

cáo bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 2.000.000 đồng. Đến ngày 29/9/2020 bà Võ Tuyết M nộp cho Tòa án biên nhận đã bồi thường xong cho anh B số tiền 2.000.000 đồng theo như yêu cầu. Hiện nay anh B không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Đối với điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4 màu xám và 01 sợi dây xích dài 94cm bằng kim loại màu trắng qua điều tra xác minh đây là tài sản của Trịnh Công L.

Tại cáo trạng số: 185/CT-VKS ngày 15/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo Trịnh Công L về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trịnh Công L theo cáo trạng và đề nghị:

- Về tội danh sự: Đề nghị tuyên bố bị cáo Trịnh Công L phạm tội “Cướp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Công L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị Tịch thu tiêu huỷ 01 sợi dây xích bằng kim loại màu trắng, dài 94cm. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xám số seri R58K84LP02V đã qua sử dụng.

- Bị cáo Trịnh Công L thừa nhận hành vi phạm tội, về trách nhiệm hình sự bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được phù hợp biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, kết luận điều tra có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16 giờ ngày 19/6/2020, bị cáo Trịnh Công L đã có hành vi dùng dây xích bằng kim loại màu trắng, dài 94cm siết cổ anh Lâm Văn B và dùng lời lẽ đe dọa dùng vũ lực đối với anh B làm cho anh B lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Fugiar

biển kiểm soát 69F3 – 0268 theo kết luận định giá có giá trị 4.375.000 đồng nhằm mục đích tư lợi cá nhân. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, đúng với đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa và đúng với Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sức khỏe để nhận thức và điều khiển hành vi của mình biết rõ việc bị cáo dùng dây xích và lời lẽ đe dọa để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Đối với việc bị hại thiếu tiền bị cáo không trả, bị cáo có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự để được giải quyết nhưng bị cáo không thực hiện quyền của mình mà dùng vũ lực để lấy tài sản của bị hại nhằm mục đích thu hồi nợ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và trái pháp luật. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét về tính chất mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Xuất phát từ việc bị hại nợ tiền bị cáo và bị cáo đòi nhiều lần mà không trả. Mục đích của bị cáo là muốn đòi tiền mà bị cáo đã cho bị hại mượn nên bị cáo đã dùng vũ lực để thực hiện ý định của mình. Bị cáo phạm tội là do thiếu hiểu biết và cho thấy việc bị cáo phạm tội là nhất thời. Trong quá trình phạm tội bị cáo không có chuẩn bị trước cũng như bàn bạc với ai. Bị cáo chủ động đánh bị hại lấy tài sản nhằm mục đích cản trở nợ nên hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội giản đơn không có đồng phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Khi lượng hình hội đồng xét xử có xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải và đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại xong, trong quá trình điều tra bị hại đã có đơn bãi nại, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị hại tiếp tục gửi đơn xin bãi nại cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ nhận định trên cho thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Fugia biển kiểm soát 69F3 – 0268 cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố cà Mau đã trả cho anh L nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 sợi dây xích bằng kim loại màu trắng, dài 94cm xét thấy đây là vật chứng bị cáo dùng vào việc phạm tội hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xám đã qua sử dụng không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Đối với Trịnh Kim T và Trịnh Công V khi đến định điều khiển xe của anh B nhưng điều khiển không được và cả hai không biết xe này là do bị cáo L chiếm đoạt của anh B nên không đặt ra xem xét xử lý là phù hợp.

[8] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xử lý đối với bị cáo là có căn cứ.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Công L phạm tội “Cướp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Công L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 19/6/2020.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 sợi dây xích bằng kim loại màu trắng, dài 94cm. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xám số seri R58K84LP02V đã qua sử dụng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/9/2020).

- Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Trịnh Công L phải chịu 200.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- VKS tỉnh Cà Mau;
- CAND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn thư.

Trần Huyền Trân

